



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số (No): DASM200523-04

Thực hiện bởi Viện Phát triển và Ứng dụng Vật liệu Âm thanh

**Đơn vị yêu cầu thử nghiệm:** Công ty Cổ phần Xây dựng và Nội thất Remak

**Địa chỉ:** Cụm công nghiệp Lại Yên, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

**Tên sản phẩm:** Len gỗ tiêu âm Remak® Acoustic Woodwool

**Mã sản phẩm:** Acoustic Woodwool M20

**Mô tả sản phẩm:** Tấm tiêu âm sợi gỗ với chất kết dính vô cơ dày 20mm

**Nhãn hiệu:** Remak® Soundbox

**Nhà sản xuất:** Công ty Cổ phần Xây dựng và Nội thất Remak

**Địa chỉ nhà sản xuất:** Cụm công nghiệp Lại Yên, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

**Thử nghiệm:** EN ISO 10534-2:1998 Acoustics – Xác định tổn thất năng lượng âm thanh trong ống trở kháng.

**Kết quả thử nghiệm:**

**Mức độ tổn thất năng lượng tại tần số 500Hz  
TL = 17.31 dB**

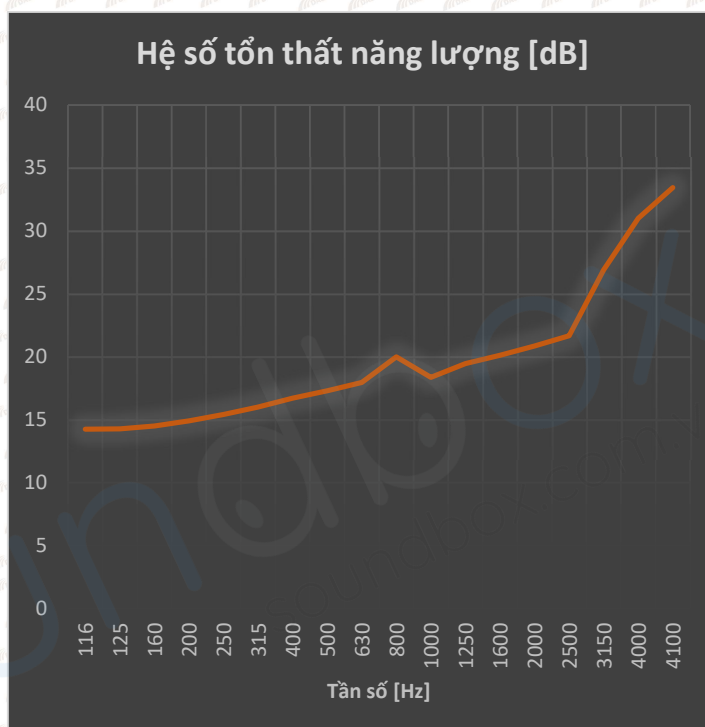
**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. Tên mẫu và tên khách hàng do khách hàng cung cấp.
- Khách hàng không được sao chép từng phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của PTN.
- (\*) Chỉ tiêu chưa được công nhận; (\*\*) Chỉ tiêu thử nghiệm bởi nhà thầu phụ.
- PTN cam kết bảo mật mọi thông tin liên quan đến khách hàng và mẫu gửi.
- Thời gian lưu mẫu: 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.

**Vật liệu:** Len gỗ tiêu âm Remak® Acoustic Woodwool  
**Phương pháp lắp đặt:** Khoảng rỗng 210mm phía sau mẫu  
**Model:** Acoustic Woodwool M20  
**Phương pháp thử:** Tube Impedance  
**Đường kính ống:** 44.44 mm  
**Nhiệt độ phòng thí nghiệm:** 23° C  
**Độ ẩm tương đương:** 58%  
**Ngày thử:** 19/05/2023  
**Áp suất không khí:** 101 KPa  
**Mã thử nghiệm:** DASM200523-04



| Tần số [Hz] | TL 1/3 octave | TL octave |
|-------------|---------------|-----------|
| 116         | 14.25         | 14.34     |
| 125         | 14.27         |           |
| 160         | 14.50         |           |
| 200         | 14.91         | 15.44     |
| 250         | 15.42         |           |
| 315         | 16.00         |           |
| 400         | 16.70         | 17.32     |
| 500         | 17.31         |           |
| 630         | 17.95         |           |
| 800         | 19.98         | 19.26     |
| 1000        | 18.35         |           |
| 1250        | 19.46         |           |
| 1600        | 20.11         | 20.88     |
| 2000        | 20.85         |           |
| 2500        | 21.67         |           |
| 3150        | 26.91         | 30.45     |
| 4000        | 31.00         |           |
| 4100        | 33.43         |           |



**TL** Mức độ tổn thất năng lượng âm thanh theo tiêu chuẩn EN ISO 10534-2:1998

Hà nội, ngày 20 tháng 05 năm 2023

Thử nghiệm viên

Chu Đức Long

Kiểm tra

Vũ Việt Dũng



**VIỆN TRƯỞNG**  
*Nguyễn Phương Lâm*